Mật Tạng Bộ 2_ No.997 (Tr.565_Tr.571)

KINH THỦ HỘ QUỐC GIỚI CHỦ ĐÀ LA NI
QUYỂN THỨ CHÍN

Hán dịch: Nước Kế Tân_ Tam Tạng Sa Môn BÁT NHÃ cùng với MÂU NI THẤT LỢI dịch

Phục hồi Phạn Chú và Việt dịch: HUYỀN THANH

ĐÀ LA NI CÔNG ĐỨC NGHI QUỸ
PHẨM THỨ CHÍN

Bấy giờ, trong Hội có một vị Bồ Tát Ma Ha Tát tên là **Bí Mật Chủ Kim Cương Thủ** (Guhyādhipati-vajra-pāṇi) liền từ chỗ ngồi đứng dậy, trật áo hở vai phải, quỳ gối phải sát đất, đỉnh lễ bàn chân của Đức Phật, chắp tay cung kính, rồi bạch Phật rằng: "Thế Tôn! Như Đức Phật đã nói **Đà La Ni Môn** (Dhāraṇī-mukha), tất cả **Đà La Ni Mẫu** (Dhāraṇī-mātṛ) thì nhóm Đà La Ni nào hay lợi lạc khắp cho tất cả chúng sinh? Nhóm Đà La Ni nào hay khiến cho hữu tình mau được **A Nậu Đa La Tam Miễu Tam Bồ Đề** (Anuttarā-samyaksaṃbuddhi: Vô Thượng Chính Đẳng Chính Giác)?"

Khi ấy, Đức Thế Tôn bảo Bí Mật Chủ Kim Cương Thủ rằng: "Lành thay! Lành thay! Thiện Nam Tử hay hỏi **Như Lai** (Tathāgata) nghĩa sâu xa như vậy. Nay Ta vì ông phân biệt giải nói.

Này Thiện Nam Tử! Có một Đà La Ni tức là mẹ của tất cả Đà La Ni tên là **Thủ Hộ Quốc Giới Chủ**. Nếu có Bồ Tát thọ trì, chứng được Đà La Ni này, liền được thân ấy đồng với báu Như Ý, chúng sinh nhìn thấy được đầy đủ ước nguyện, cũng hay mau được **Vô Thượng Bồ Đề** (Agra-bodhi).

Lúc đó, Kim Cương Thủ nghe lời nói này xong thì bạch Phật rằng: "Lành thay Thế Tôn! Nguyện vì con nói chút phần **công năng, quỹ nghi, pháp tắc** của Đà La Ni này. Chúng con nghe xong, liền hay chứng được Đà La Ni này"

Đức Phật bảo Bí Mật Chủ rằng: "Thiện Nam Tử! Đức Thế Tôn **Tỳ Lô Giá Na** (Vairocana) ở cõi Trời **Sắc Cứu Cánh** (Akaniṣṭha, hay Aghaniṣṭha) vì **Thiên Đế Thích** (Śakra-devānāṃ-indra) với Thiên Chúng đã rộng tuyên nói. Nay Ta ở **Kim Cương Đạo Trường** (Vajra-maṇḍa) dưới **cây Bồ Đề** (Bodhi-vṛkṣa) vì các quốc vương cùng với các ông, lược nói **Đà La Ni Môn** này. Các ông hãy nghe cho kỹ!

Này Thiện Nam Tử! **Mẹ của Đà La Ni** (Dhāraṇī-mātṛ: Đà La Ni Mẫu) là **chữ Án** (𑖌𑖼:OṂ). Tại sao thế? Vì ba chữ hợp chung lại làm **chữ Án** là **A** (𑖀:A), **Ô** (𑖉:U), **Mãng** (𑖨:MA)

1_**Chữ A** (𑖀:A) là nghĩa của **Tâm Bồ Đề** (Bodhi-citta), là nghĩa của các **Pháp Môn** (Dharma-paryāya), cũng là nghĩa **không có hai** (Advaya), cũng là nghĩa của các **Pháp Quả** (Dharma-phala), cũng là nghĩa của **Tính** (Prakṛti), là nghĩa **Tự Tại** (Iśvara). Giống như quốc vương: **đen** (Kṛṣṇa), **trắng** (Śukla), **thiện** (Kuśala), **ác** (Pāpa, hay Akuśala) tùy Tâm tự tại. Lại là nghĩa **Pháp Thân** (Dharma-kāya)

2_**Chữ Ô** (𑖉:U) tức nghĩa **Báo Thân** (Saṃbhoga-kāya)

3_**Chữ Mãng** (𑖨:MA) tức nghĩa **Hóa Thân** (Nirmāṇa-kāya)

Đem hợp **ba chữ** cộng làm **chữ Án** nhiếp nghĩa vô biên, cho nên là cái Đầu của tất cả Đà La Ni cùng với nghĩa của các chữ mà làm con đường trước tiên, tức là nơi mà tất cả Pháp đã sinh ra. Chư Phật ba đời đều quán chữ này mà được **Bồ Đề** (Bodhi) cho

nên là mẹ của tất cả Đà La Ni, tất cả Bồ Tát từ đây mà sinh ra., tất cả chư Phật từ đây hiện ra. Tức là nơi mà chư Phật, tất cả Bồ Tát, các Đà La Ni tập hội. Giống như quốc vương trụ ở Vương Thành có thần tá phụ giúp, cung nữ vây quanh, hoặc ra ngoài dạo chơi, đi tuần rồi quay về **cung vua** (hoàng cư), dùng bốn đạo binh nghiêm ngặt từ ngàn vạn người. Chỉ nói vua trụ ở sự đi lại của vua, tuy chẳng nói điều khác nhưng không có việc gì chẳng thâu nhiếp . Đà La Ni này cũng lại như vậy, tuy nói một chữ, nhưng không có chỗ nào chẳng thâu nhiếp"

__Khi ấy, Bí Mật Chủ Kim Cương Thủ lại bạch Phật rằng: "Thế Tôn! Như Đức Phật đã nói, chư Phật thường trụ Tam Muội **Bình Đẳng**, nhìn chúng sinh như nhau, giống như một đứa con. Ngày nay, vì sao chỉ nói thủ hộ cho vị chủ của quốc giới, còn **các chúng sinh** (chư hữu) nghèo túng, cô độc, khốn khổ, không có nơi nương tựa, không có chỗ về, không có người cứu, không có người hộ giúp… vì sao chẳng thương xót mà thủ hộ vậy?"

Bấy giờ, Đức Như Lai Vô Thượng Điều Ngự bảo Bí Mật Chủ Kim Cương Thủ rằng: "Thiện Nam Tử! Hãy nghe cho kỹ! Hãy nghe cho kỹ! Ta sẽ vì ông nói. Chư Phật Như Lai chẳng phải là chẳng trụ ở Tam Muội **Bình Đẳng**. Do bình đẳng cho nên thủ hộ quốc vương.

Này Thiện Nam Tử! Ví như **người thầy thuốc giỏi** (lương y) thấy đứa trẻ thơ, khắp thân bị bệnh tật, chẳng thể dùng y thuật chữa trị được nên khiến người mẹ uống thuốc. Do sức thuốc mà người mẹ uống thấm vào sữa, đứa con ấy uống sữa thì bệnh tật đều tiêu trừ. Chư Phật Như Lai cũng lại như vậy, thương xót tất cả nên thủ hộ quốc vương. Nếu che chở cho quốc vương sẽ được bảy **lợi ích tốt đẹp** (thắng ích). Nhóm nào là bảy?

Ấy là: hay thủ hộ quốc vương tức là thủ hộ vị Thái Tử của đất nước. Nếu thủ hộ Thái Tử tức thủ hộ Đại Thần. Nếu thủ hộ Đại Thần tức thủ hộ **trăm họ**. Nếu thủ hộ trăm họ tức thủ hộ kho tàng. Nếu thủ hộ kho tàng tức thủ hộ **bốn binh** [Catur-aṅga-bala: *gồm có* ***Tượng Quân*** (Hasti-kāya), ***Mã Quân*** (Aśva-kāya), ***Xa Quân*** (Ratha-kāya), ***Bộ Quân*** (Patti-kāya)]. Nếu thủ bộ bốn binh tức thủ hộ nước láng giềng. Nếu hay như vậy thì tất cả đều yên.

Này Thiện Nam Tử! Thế nên quốc vương giúp cho chúng sinh làm mặt trời, làm mặt trăng, làm ngọn đèn, làm con mắt, làm cha, làm mẹ. Nếu các hữu tình không có con mắt, không có ngọn đèn, không có mặt trời, không có mặt trăng, không có cha, không có mẹ thì thân mệnh há tồn tại được chăng?!. Nếu không có quốc vương thì chẳng thể an lập được.

Lại Thiện Nam Tử! Như ao Rồng lớn, nếu khi Rồng trụ thời nước thường tràn đầy: loài Giải, cá sấu, cá, ba ba, thủy tộc đều yên. Nếu khi Rồng bỏ đi thời nước liền khô cạn, loài thuộc Thủy Tính đều bị diệt không có sót. Quốc vương cũng vậy, nếu các quốc vương thọ trì Đà La Ni Môn này thì hay khiến cho vô lượng vô số chúng sinh hiện tại an vui, được tôn quý lâu dài, khi thân hoại mệnh dứt thì được sinh vào đường tốt lành. Do đây, biết **Quốc Chủ** (vị vua) khéo hay đóng bít các cửa của nẻo ác, mở bày lối chính đúng của người, Trời, Niết Bàn. Cho nên Ta nói nghiêng về **thủ hộ quốc vương**".

_Khi ấy, Đức Thế Tôn lại bảo Bí Mật Chủ Kim Cương Thủ rằng: "Thiện Nam Tử! Như ông đã hỏi về Quỹ Nghi, Pháp Tắc. Hãy nghe cho kỹ! Hãy nghe cho kỹ! Nay Ta vì Đà La Ni này, cho nên nói Quỹ Nghi, Pháp Tắc của **Kim Cương Thành Đại Mạn Trà La**

Thiện Nam Tử! Nếu lúc muốn dựng lập **Mạn Trà La** (Maṇḍala: Đàn Trường) thời vị **Kim Cương A Xà Lê** (Vajra-ācārya) trước tiên chọn lựa đất ấy: hoặc ở núi, hoặc ở nơi hoang vắng. Đấy ấy, hoặc có mọi loại cây có quả trái, cỏ mềm mại, hoa thơm đẹp, đất bằng phẳng đáng ưa thích. Hoặc có ao đầm trong sạch, vực sâu lặng trong, suối chảy tràn đầy… chư Phật khen ngợi thì có thể dùng để dựng lập **mạn Trà La Trường**. Hoặc bên cạnh sông lớn, hoặc gần ao Rồng có hoa sen trang nghiêm. Ấy là: hoa **Ưu Bát La** (utpala), hoa **Câu Vật Đầu** (Kumuda), hoa **Ba Đầu Ma** (Padma), hoa **Phân Đà Lợi** (Puṇḍarika). Lại có vịt trời, **chim nhạn** (Dhārtarāṣṭra), uyên ương, **bạch hạc** (Haṃsa), **chim công** (Mayūra), **chim Anh Vũ** (Krauñca), **chim Xá Lợi** (Śāli), chim Câu Chỉ La… các **Diệu Điểu Vương** bay lượn tụ tập trang nghiêm.

Hoặc là nơi mà chư Phật với các Bồ Tát, Độc Giác, Thanh Văn đã từng dừng trụ, khen ngợi vắng lặng. Nơi mà các hàng Trời, Rồng thủ hộ với thành ấp, thôn xóm, phòng dành cho chư Tăng, nhà cửa, điện đường, lầu gác, tháp, miếu, **đền thờ cúng Trời** (thiên từ), nơi mà loài bò trú ngụ… Trong chốn nhàn tĩnh, vườn hoa vườn thú, nhà trống… đều có thể dựng lập Mạn Trà La này.

Nếu không có nơi xứng với Pháp như vậy thì không có nhiều sự lựa chọn, tùy theo chỗ tiện nghi mà dùng an trí, chỉ tùy theo **Tâm Địa** làm Mạn Trà La.

_Lại nữa, Thiện Nam Tử! Nếu **A Xà Lê** (Ācārya) chọn lựa đất thời đất ấy, hoặc có cát, đá, ngói, đá sỏi, rễ cây, gốc cây, cây không có nhánh, tóc, lông, móng, răng, vỏ trấu, tro, than, xương trắng, gò mả, hang rắn, hang kiến… nhóm đất như vậy chẳng thể dựng lập Mạn Trà La Trường.

Đã chọn được đất xong, A Xà Lê nên chọn ngày có sao **Tú** (Nakṣatra) trực. Vào lúc sáng sớm, giờ có **tướng cát tường** thời cúi năm vóc sát đất, lễ bàn chân của Đức Như Lai. Tùy theo sức, phân chia tùy theo Tâm rộng hẹp để dựng Đàn Trường. Lượng cực lớn là một ngàn Do Tuần, hoặc lại chín trăm, bảy trăm, năm trăm, ba trăm, một trăm, một Do Tuần… Hoặc khoảng bảy khuỷu tay, năm khuỷu tay, ba khuỷu tay, hoặc một khuỷu tay. Hoặc một lòng bàn tay cho đến khoảng một móng tay

_Nay Ta sẽ nói Nghi Tắc của độ lượng làm **Kim Cương Thắng Thành Mạn Trà La**. Nên chỉnh sửa ngay ngắn, mỗi phương làm một mặt, mở một cửa, bên trên an **Phiệt Duyệt** (ghi chép công nghiệp của Tổ Tiên) dùng để trang nghiêm

Một mặt đều có lượng khoảng ba mươi hai gang tay, bốn phía giáp vòng có lan can, vẽ thành ba lớp, tổng cộng có mười hai góc, dùng mọi loại báu làm vòng hoa để làm trang nghiêm.

Ở chính giữa Đàn, vẽ tượng **Tỳ Lô Giá Na Như Lai** (Vairocana-tathāgata) kèm vẽ bốn vị **Ba La Mật Bồ Tát**. Bốn Đức Phật ở bốn phương đều có bốn vị Bồ Tát, hoặc an **Chủng Tử** (Bīja), mỗi một vị Bồ Tát đều có một câu chi na do tha Bồ Tát dùng làm **quyến thuộc** (Parivāra, hay Pariṣad), tiếp theo an mười hai vị **Cúng Dường Bồ Tát**. Một viện ở ngoài cùng, an trí mười vị Trời, mỗi một Tôn ấy đều có Chân Ngôn.

Chân Ngôn của năm Đức Phật đã nói như bên trên.

"Án (1) tát đát-phộc (2) phộc nhật-lý (3) sa-phộc hạ (4)"

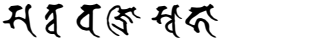

OṂ_ SATVA-VAJRI SVĀHĀ

"Án (1) la đát-nẵng (2) phộc nhật-lý (3) sa-phộc hạ (4)"

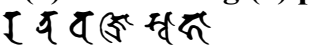

OṂ_ RATNA-VAJRI SVĀHĀ

"Án (1) đạt ma (2) phộc nhật-lý (3) sa-phộc hạ (4)"

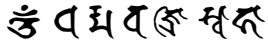
OṂ_ DHARMA-VAJRI SVĀHĀ

“Án (1) yết ma (2) phộc nhật-lý (3) sa-phộc hạ (4)”

OṂ_ KARMA-VAJRI SVĀHĀ

“Án (1) phộc chiết-la (2) tát đỏa-phộc (3) sa-phộc hạ (4)”
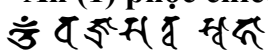
OṂ_ VAJRA-SATVA SVĀHĀ

“Án (1) phộc chiết-la (2) la tá (3) sa-phộc hạ (4)”
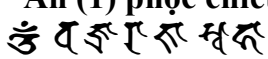
OṂ_ VAJRA-RĀJA SVĀHĀ

“Án (1) phộc chiết-la (2) la nga (3) sa-phộc hạ (4)”
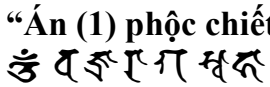
OṂ_ VAJRA-RĀGA SVĀHĀ

“Án (1) phộc chiết-la (2) sa độ (3) sa-phộc hạ (4)”
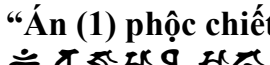
OṂ_ VAJRA-SĀDHU SVĀHĀ

“Án (1) phộc chiết-la (2) la đát-nẵng (3) sa-phộc hạ (4)”
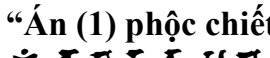
OṂ_ VAJRA-RATNA SVĀHĀ

“Án (1) phộc chiết-la (2) đế giả (3) sa-phộc hạ (4)”
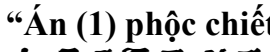
OṂ_ VAJRA-TEJA SVĀHĀ

“Án (1) phộc chiết-la (2) kế đổ (3) sa-phộc hạ (4)”

OṂ_ VAJRA-KETU SVĀHĀ

“Án (1) phộc chiết-la (2) tất mật đa (3) sa-phộc hạ (4)”
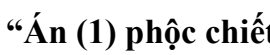
OṂ_ VAJRA-SMITA SVĀHĀ
“Án (1) phộc chiết-la (2) đạt ma (3) sa-phộc hạ (4)”
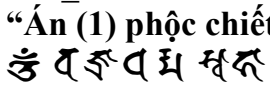
OṂ_ VAJRA-DHARMA SVĀHĀ

“Án (1) phộc chiết-la (2) đế khất sử na (3) sa-phộc hạ (4)”
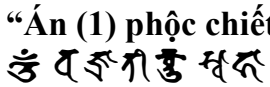
OṂ_ VAJRA-TĪKṢṆA SVĀHĀ

“Án (1) phộc chiết-la (2) hệ đổ (3) sa-phộc hạ (4)”

OṂ_ VAJRA-HETU SVĀHĀ

“Án (1) phộc chiết-la (2) ma sái (3) sa-phộc hạ (4)”

OṂ_ VAJRA-BHĀṢA SVĀHĀ

“Án (1) phộc chiết-la (2) yết ma (3) sa-phộc hạ (4)”

OṂ_ VAJRA-KARMA SVĀHĀ

“Án (1) phộc chiết-la (2) la khất-sái (3) sa-phộc hạ (4)”

OṂ_ VAJRA-RAKṢA SVĀHĀ

“Án (1) phộc chiết-la (2) dược khất-sái (3) sa-phộc hạ (4)”

OṂ_ VAJRA-YAKṢA SVĀHĀ

“Án (1) phộc chiết-la (2) san đệ (3) sa-phộc hạ (4)”

OṂ_ VAJRA-SAṂDHI SVĀHĀ

“Án (1) phộc chiết-la (2) la tẩy (3) sa-phộc hạ (4)”

OṂ_ VAJRA-LĀSYE SVĀHĀ

“Án (1) phộc chiết-la (2) ma lệ (3) sa-phộc hạ (4)”

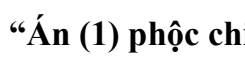
OṂ_ VAJRA-MĀLE SVĀHĀ

“Án (1) phộc chiết-la (2) nghĩ đế (3) sa-phộc hạ (4)”

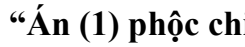
OṂ_ VAJRA-GĪTE SVĀHĀ

“Án (1) phộc chiết-la (2) nễ-lý đế (3) sa-phộc hạ (4)”

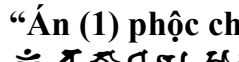
OṂ_ VAJRA- NṚTYE SVĀHĀ

“Án (1) phộc chiết-la (2) nỗ bế (3) sa-phộc hạ (4)”

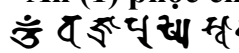
OṂ_ VAJRA-DHŪPE SVĀHĀ

“Án (1) phộc chiết-la (2) bổ sáp-bế (3) sa-phộc hạ (4)”

OṂ_ VAJRA-PUṢPE SVĀHĀ

“Án (1) phộc chiết-la (2) a lỗ kế (3) sa-phộc hạ (4)”

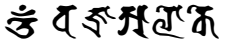

OṂ_ VAJRA-ĀLOKE SVĀHĀ

“Án (1) phộc chiết-la (2) hiến đệ (3) sa-phộc hạ (4)”

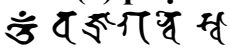

OṂ_ VAJRA-GANDHE SVĀHĀ

“Án (1) phộc chiết-la (2) a ngu xá (3) sa-phộc hạ (4)”

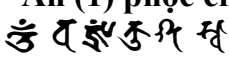

OṂ_ VAJRA-AṂKUŚA SVĀHĀ

“Án (1) phộc chiết-la (2) ba xá (3) sa-phộc hạ (4)”

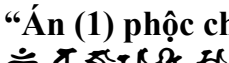

OṂ_ VAJRA-PĀŚA SVĀHĀ

“Án (1) phộc chiết-la (2) sa-phổ tra (3) sa-phộc hạ (4)”

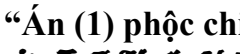

OṂ_ VAJRA-SPHOṬA SVĀHĀ

“Án (1) phộc chiết-la (2) hiến tra (3) sa-phộc hạ (4)”

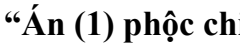

OṂ_ VAJRA-GHAṂṬA SVĀHĀ

“Án (1) nhân đạt-la dã (2) sa-phộc hạ (3)”

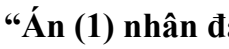

OṂ_ INDRĀYA SVĀHĀ

“Án (1) a ngật-nãi duệ (2) sa-phộc hạ (3)”

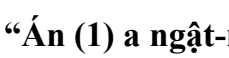

OṂ_ AGNĀYE SVĀHĀ

“Án (1) diêm ma dã (2) sa-phộc hạ (3)”

OṂ_ YAMĀYA SVĀHĀ

“Án (1) nê dĩ đê (2) sa-phộc hạ (3)”

OṂ_ NAIṚRTE SVĀHĀ

“Án (1) phộc lỗ na dã (2) sa-phộc hạ (3)”

OṂ_ VARUṆĀYA SVĀHĀ

“Án (1) ma na phệ (2) sa-phộc hạ (3)”

OṂ_ VĀYAVE SVĀHĀ

"Án (1) câu mễ la dã (2) sa-phộc hạ (3)"

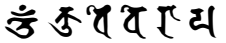

OṂ_ KUBERĀYA SVĀHĀ

"Án (1) y xá na (2) sa-phộc hạ (3)"

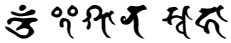

OṂ_ ĪŚĀNA SVĀHĀ

"Án (1) đà la nê (2) sa-phộc hạ (3)"

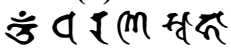

OṂ_ DHARAṆI SVĀHĀ

"Án (1) mạt-la một nê (2) sa-phộc hạ (3)"

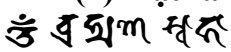

OṂ_ BRAHMAṆE SVĀHĀ

_Bấy giờ, Đức Phật bảo Bí Mật Chủ rằng: "Y theo Quỹ Nghi này, thứ tự an bày đều giáp vòng xong. A Xà Lê ấy vì người vào Đàn, trước hết nên trao cho **Tam Muội Gia Giới** dùng làm con đường trước tiên, sau đó **Quán Đỉnh** (Abhiṣeka). Quán Đỉnh sau, sau đó dạy bảo kẻ ấy niệm tụng Chân Ngôn: môi răng hợp nhau, cái lưỡi ấy hơi lay động, đừng cho phát ra âm thanh. Lượng sức ghi nhớ **Số** với **Thời** nhiều ít làm hạn định thông thường, cần thiết phải được cảnh giới thù thắng. Nếu không đạt được thì chẳng ra khỏi Đạo Trường. Như vậy tinh cần dùng cầu **Tất Địa** (Siddhi). Nay Ta sẽ nói cách dùng **chuỗi hạt** (châu) khác nhau

Rồi nói **Kệ là:**

"_**Phật Bộ** (Buddha-kalāya) nối **Phật Chủng** (Buddha-vaṃśa: hạt giống thành Phật)

Nên dùng hạt Bồ Đề
Chuỗi (châu) trong **Kim Cương Bộ** (Vajra-kulāya)
Cũng dùng **hạt Kim Cương** (Akṣa, hay Rudrākṣa:Kim Cương tử)
_Ở trong **Bảo Bộ** (Ratna-kulāya) dùng
Vàng (Suvarṇa), nhóm báu làm **hạt**
Chân châu làm **chuỗi hạt** (niệm châu)
Nơi chư Phật khen ngợi
_Trong **Liên Hoa Bộ** (Padma-klāya) dùng
Hạt hoa sen làm Tôn
Hạt (châu) trong **Yết Ma Bộ** (Karma-kulāya)
Mọi loại hòa hợp làm
_Pháp lần hạt (châu) **năm Bộ**
Dùng ngón cái giống nhau
Phật Bộ: ngón trỏ nâng
Kim Cương Bộ: ngón giữa
Bảo Bộ: ngón vô danh
Liên Hoa Bộ: hợp ba
Yết Ma: bốn ngón nâng
Đều dùng lóng đầu tiên
_Hạt vàng: **Phước** (Puṇya) gấp đôi

Chân châu được **câu chi** (Koṭi:một trăm triệu)
Hạt Kim Cương, hoa sen
Trăm ngàn câu chi Phước
_Nếu trì hạt Bồ Đề
Cùng với hạt hòa hợp
Vô số Phước trang nghiêm
Nơi chư Phật đã nói
_**Hạt** (châu) có trăm lẻ tám
Nhiếp loạn, Tâm chẳng **chạy** (trì: rong ruổi, theo đuổi, chạy nhanh)
Tỳ Lô Giá Na Ấn (Vairocana-mudra)
Cột **Tưởng** ngay đầu mũi
Vì trừ nhóm phiền não
Tăng trưởng **Tam Ma Đề** (Samādhi)
Nên tưởng nơi Bản Tôn
Hộ Ma (Homa) siêng niệm tụng
_Trước quán **vành trăng** (nguyệt luân) sạch
Tưởng mình ngồi trong **trăng** (Luân:vành trăng)
Phát ánh sáng lửa rực
Ngàn ánh sáng nghiêm **thân** (tự thể)
_Mười phương: Phật hiện tại
Năm màu: xanh, trắng, đỏ
Trang nghiêm rất tôn quý
Thường quán trụ trước mặt
_**Ba ngàn** (ba ngàn Đại Thiên Thế Giới) **trần số** (số hạt bụi) Phật
Đều đến, vào thân Ta
Thân Ta bằng Hư Không
Phiến Để Ca (Śāntika: Tức Tai) cúng dường
_Tưởng Bồ Tát vui vẻ
Là tăng trưởng Hộ Ma
Phẫn Nộ (Krodha) vào thân Ta
Oán trong ngoài đều diệt
_Bồ Tát sắc đẹp, vào
Tưởng tướng **Kính Ái** (Vaśīkaraṇa) thành
Du Già Nội Hộ Ma
Chư Phật quá khứ nói"

_Lúc đó, Đức Thế Tôn nói Kệ này xong, bảo Bí Mật Chủ Kim Cương Thủ rằng: "Thiện Nam Tử! Hãy nghe cho kỹ! Hãy nghe cho kỹ! **Nhất Tự Đà La Ni Môn** này tức là mẹ của tất cả Đà La Ni, vô biên câu chi Đà La Ni Môn dùng làm quyến thuộc. Nếu có quán sát Đà La Ni này thì vô biên câu chi Tam Muội hiện trước mặt. Tất cả chư Phật quá khứ, hiện tại do quán sát Đà La Ni này, cho nên được A Nậu Đa La Tam Miểu Tam Bồ Đề (Vô Thượng Chính Đẳng Chính Giác).

Này Thiện Nam Tử! Nay Ta vì các quốc vương, lược nói **một chữ** khiến được thọ trì. Nếu các quốc vương được **Nhất Tự Quán** thì khoảng một sát na liền được năm loại Tam Muội hiện trước mặt, hết thảy phiền não chẳng hiện khởi lại được

Thiện Nam Tử! Hết thảy **công năng** (Samartha) của **Đại Kim Cương Thành Mạn Trà La** này chẳng thể nghĩ bàn. Nếu kẻ trai lành, người nữ thiện có thể vào Mạn Trà La này, liền được nhìn thấy tất cả chư Phật, tất cả Bồ Tát. Tại sao thế? Vì Mạn Trà La này tức là nơi mà tất cả chư Phật, Hiền Thánh tập hội nghị luận Pháp thâm sâu. Nếu

người hay vào, tức được chư Phật, tất cả Bồ Tát chứng biết, hộ niệm. Là **người con chân thật** (chân tử) của **Như Lai Pháp Vương**, hay làm người cha của tất cả chúng sinh, nối tiếp mầm giống **Tam Bảo** chặt đứt ba nẻo ác, mở cửa Người Trời, trụ **Bất Thoái Địa** (Avaivartika-bhūmi). Xa lìa tất cả tội, được **ba mươi bảy Bồ Đề Phần Pháp** (Sapta-triṃśad bodhi-pākṣikā dharmāḥ)**, mười lực vô úy** dùng làm **Anh Lạc** (Muktāhāra) mà tự trang nghiêm.

Thiện Nam Tử! Tùy theo thành ấp ấy, có Đạo Trường này thọ trì tu hành thì **Tứ Thiên Đại Vương** (bốn vị Thiên Vương gồm có Trì Quốc Thiên Vương, Tăng Trưởng Thiên Vương, Quảng Mục Thiên Vương, Tỳ Sa Môn Thiên Vương), **Đế Thích** (Indra), chư Thiên, tám Bộ ủng hộ. Ở cõi nước này thường không có đói khát, cũng không có oán địch. Tất cả con người, súc vật không có các tai dịch, Tiểu Vương của các nước khâm phục Đức Độ chịu quy thuận. Ở trong các vua là thù thắng bậc nhất, xa lìa tất cả lo lắng khổ não, tùy theo thọ mệnh ấy an vui khoái lạc, cho đến trong mộng thường thấy tất cả chư Phật Bồ Tát, chuyển thân thọ sinh thường được an vui, có đại danh xưng, giàu có tài bảo, ưa hành **Tuệ Thí**, hay tu **An Nhẫn**, đầy đủ **Trí Tuệ**, yêu thích Pháp Thiện, đời đời thường được **Túc Trụ Trí Tuệ** (Trí Tuệ biết rõ việc của đời trước), ở trăm ngàn được làm **Chuyển Luân Vương** (Cakra-varti-rāja) na do tha Kiếp làm **Thiên Đế Thích** (Śakra-devānāṃ-indra), trăm câu chi đời thường làm **Nhân Vương** (Nāra-rāja)

Này Bí Mật Chủ! Nếu có kẻ trai lành, người nữ thiện đem bảy báu tràn đầy trong hằng hà sa Thế Giới, cầm dùng bố thí. Hoặc lại có người vì muốn lợi lạc cho tất cả chúng sinh, phát Tâm Bồ Đề, vào **Kim Cương Mạn Trà La** (Vajra-maṇḍala) này thì phước ấy hơn hẳn người kia

Khi ấy, Đức Thế Tôn muốn tuyên lại nghĩa này một lần nữa, nên nói **Kệ** là:

"_**Mạn Trà La** chư Phật
Đã nói Pháp **ba Thân**
Pháp Thân (Dharma-kāya) với **Báo** (Saṃbhoga-kāya), **Hóa** (Nirmāṇa-kāya)
Nối tiếp thứ tự thành.
_Tu trong **Phật Bồ Đề** (Buddha-bodhi:Tuệ Giác của Đức Phật)
Pháp vi diệu tối thắng
Chẳng lâu sẽ thành Phật
Ba Thân được viên mãn
_Các Thế Tôn mười phương
Cùng chứng biết, hộ niệm
Sẽ thành **Pháp Vương Tử** (Dharma-rāja-putra)
Giữ **Phật Chủng** vẹn toàn
_Đã chặt **Nhân** (hetu) nẻo ác
Lại xa các **Quả** (phala) khổ
Tùy thuận chẳng chuyển lùi
Tu hành đến Bồ Đề
_Thường an trụ siêng tu
Ba mươi bảy Đạo Phẩm
Lại trụ **bốn Phạm Trú** (bốn Tâm vô lượng: Từ, Bi, Hỷ, Xả)
Trong **mười lực Vô Úy**
_Nếu thấy Đạo Trường này
Xa lìa tất cả tội
Ứng nhận hàng Người, Trời
Tâm kính dưỡng, tôn trọng
_Đời này thành Như Lai

Diệt si ám chúng sinh
Chúng sinh thường thấy Phật
Thường giữ cửa Đạo Trường
_Trong **Kim Cương Đạo Trường**
Nếu người được Quán Đỉnh
Pháp Vương Tử Quán Đỉnh
Chẳng lâu ắt sẽ thành
_Ngàn đời làm **Luân Vương**
Na do tha **Đế Thích**
Ức kiếp **Tứ Vương Vị** (địa vị của bốn Thiên Vương)
Vô số đời **Nhân Vương**
_**Mười Độ** (Daśa-pāramitā: mười Ba La Mật) đều tròn đủ
An trụ ở **mười Địa** (Daśa-bhūmi)
Thành tựu **mười Chủng Trí**
Mười Tự Tại đều thông
_Đến **ba Giải Thoát Môn**
Dựng lập Pháp **ba Thừa**
Tùy thuận thành **Phật Địa** (Buddha-bhūmi)
Tướng tốt dùng trang nghiêm.
_Chuyển sinh, **thân** nhận được
Được vui Đại Danh Xưng
Hay thoát các bệnh não
Trí Tuệ quyết không nghi
_Phú quý cho nghèo túng
An nhẫn yêu thích **Thiện** (Kuśala)
Đời đời biết **Túc Trụ**
Đời đời trọn trang nghiêm
_Thế Giới như hằng sa (cát của sông Hằng)
Bên trong đầy bảy báu
Tịnh Tâm đem bố thí
Duyên Giác với Thanh Văn
Nếu phát Tâm Bồ Đề
Vị lợi các Hàm Thức (chúng sinh)
Người vào Đạo Trường này
Phước này hơn hẳn trước
_Từ phát Tâm Bồ Đề
Sinh Phật với Bồ Tát
Từ Bồ Đề tuôn ra
Duyên Giác và Thanh Văn
_Với **Sắc Cứu Cánh Thiên**
Sát Lợi (Kṣatriya) các Tộc Tính
Kèm các nghiệp Thiện khác
Nơi Phàm Phu đã hành
_Tâm Bồ Đề sinh ra
Bồ Tát Bất Thoái Địa
Nên tu các **Thắng Hạnh**
Trước phát Tâm Bồ Đề"

_Lúc đó, Bí Mật Chủ Kim Cương Thủ nghe nói điều này xong, liền bạch Phật rằng: "Thế Tôn! Nay con nghe **Đại Kim Cương Thành Mạn Trà La**, mẹ của tất cả Đà La Ni, Tâm thành Pháp **Chính Giác** của tất cả Như Lai… được thanh tịnh, vui mừng hớn hở. Tùy theo quốc độ, thành ấp sở tại ấy, nếu có dựng lập Mạn Trà La này thì con, Bí Mật Chủ đem Đà La Ni để làm cúng dường.

Liền nói Đà La Ni là:

"Nẵng mô (1) la đát-nẵng đát-la dã gia (2) nẵng mô phộc chiết-la bá nẵng duệ (3) ma hạ (4) dược khất-xoa tê na bát đái duệ (5) ma hạ ma la (6) bát-la cật-la ma dã (7) ma hạ phộc chiết-la (8) mê la phộc dã (9) Án (10) a một-lật đa (11) quân tra lê (12) hồng (13) phát (14) ế hệ (15) ế hề (16) a kiếp lạp ma (17) a kiếp lạp ma (18) a ca lý-sái dã (19) a ca lý-sái dã (20) phộc chất-lý nẵng (21) tát phộc nỗ sắt-tra (22) na già nan (23) thất la tư (24) tần na tần na (25) phộc chiết-la nẵng (26) bả tra dã, bả tra dã (27) phộc chiết-la nẵng (28) hồng hồng hồng (29) phát phát phát (30) sân đà, sân đà, sân đà (31) phộc chiết-la nẵng (32) tát phộc nỗ sắt-tra (33) na kiện nan (34) tỳ sái gi, tỳ sái gia (35) ngật-la sa, ngật-la sa (36) sa ma, sa ma (37) di bột-đa, nhập-phộc la (38) ma lý na (39) phộc chiết-lý na (40) na lại dã, na lại dã (41) hộ lô, hộ lô (32) hồng hồng hồng (43) a một-lý đa (44) phộc lý-sái nễ (45) phộc lý sát đổ (46) nỉ phộc sa mãn đê nẵng (47) phát phát phát phát phát phát phát (48) khư khư khư khư khư khư khư khư (49) khư hứ, khư hứ, khư hứ, khư hứ, khư hứ, khư hứ, khư hứ (50) la la la (51) sa-phộc hạ (52)"

NAMO RATNA-TRAYĀYA

NAMO VAJRA-PĀṆAYE MAHĀ-YAKṢA-SENAPATAYE MAHĀ-BALA PARĀ-KRAMĀYA MAHĀ-VAJRA BHAIRAVĀYA

OṂ_ AMṚTA-KUṆḌALI HŪṂ PHAṬ

EHI EHI, ĀKRAMA ĀKRAMA, ĀKARṢĀYA ĀKARṢĀYA VAK-LĪNA SARVA DUṢṬA-NAGNĀṂ ŚIRAS BHINDHA BHINDHA, VAJRĀṆĀṂ PAṬĀYA PAṬĀYA, VAJRĀṆĀṂ HŪṂ HŪṂ HŪṂ, PHAṬ PHAṬ PHAṬ, CCHINDHA CCHINDHA CCHINDHA, VAJRĀṆĀṂ SARVA DUṢṬA-NAGNĀṂ, VIṢAYA VIṢAYA, GRĀSA KRĀSA, SAMA SAMA, JYOTIS-JVALA VARṆA VAJRIN, NARĀYA NARĀYA, HURU HURU, HŪṂ HŪṂ HŪṂ, AMṚTA VARṢAṆI VARIṢṬHA, DEVA SAMANTENA, PHAṬ PHAṬ PHAṬ PHAṬ PHAṬ PHAṬ PHAṬ, KHA KHA KHA KHA KHA KHA KHA, KHAHI KHAHI KHAHI KHAHI KHAHI KHAHI, RA RA RA, SVĀHĀ

_Thế Tôn! Nay con lại nên nói **Niệm Tụng, Quỹ Nghi, Pháp Tắc**. Phàm Kim Cương A Xà Lê muốn làm điều gì thì trước tiên đối với chúng sinh khởi Tâm Từ Bi.

Nếu có quốc thổ bị **hạn hán** (kháng dương: khí dương cực thịnh) không có mưa. Kim Cương A Xà Lê đến chỗ ao Rồng lớn có hoa sen, hoặc bờ sông, hoặc lại ao nhỏ… nên kết **Đại Giới**, hoặc **Tứ Phương Giới** (giới bốn phương), hoặc **Tứ Ngung Giới** (giới bốn góc), kết hộ thân mình ở chỗ này làm Đàn. Trên Đàn tô vẽ vị Long Vương có bảy đầu, rải mọi loại hoa, đốt mọi loại hương, hương xoa bôi, hương bột, vòng hoa, vật dụng, mọi loại cúng dường. Bốn mặt của Đàn Trường treo phan màu xanh, dựng cây phướng màu đỏ. Nên dùng Cốc Mạch, mè, Đại Mạch, **Lạp Đạp Tử** (?) bạc, vàng, tiền… ném vào trong ao Rồng. Nhiễu quanh bốn mặt theo bên phải, chắp tay lễ bái dùng làm cúng dường.

Tiếp theo, chuẩn bị thức ăn uống dùng để cúng dường là: **Lạc** (váng sữa đặc), Mật, bơ, cháo sữa , cơm gạo tẻ màu trắng, mọi loại ăn uống… chuyển đọc Kinh **Đại Khổng Tước Vương**, khởi Tâm Đại Bi, pháp Thệ Nguyện lớn, vì các chúng sinh cầu tuôn mưa ngọt

Làm Pháp này xong, nếu chẳng tuôn mưa xuống thì nên dùng **Phẫn Nộ Tôn Đà La Ni** niệm tụng gia trì thì **Ta** (Kim Cương Thủ) sẽ tự đi đến, dùng chày Kim Cương chỉ hướng vào đầu Rồng khiến cho vị ấy kinh sợ. Thời Rồng trong mây cung kính chắp tay tuôn mưa nhỏ nhiệm tràn khắp, thấm đẫm...Rồng cũng vui vẻ, chỉ trừ chúng sinh có nghiệp quyết định thì chẳng thể tuôn mưa ngọt, ngoài ra đều ứng với Tâm.

Khi niệm tụng thời ăn ba thức ăn màu trắng là: sữa, lạc với gạo tẻ trắng… tụng mười vạn biến liền được thành tựu.

.)Nếu mưa quá nhiều liền tụng **Chỉ Vũ** (ngưng mưa) **Đà La Ni** là:

Án (1) a mật-lật đê để (2) hồng (3) để sắt-tra (3) sa-phộc hạ (5)"

OṂ_ AMṚTE HŪṂ TIṢṬA SVĀHĀ

Tụng Đà La Ni này bảy biến xong, hoặc dùng bình bát, hoặc cái bình, cái vại… chứa đầy hoa **Thục Quỳ**. Đem nhóm bát, bình… đổ úp trên mặt đất, liền tạnh mưa ngay.

.)Nếu oán địch ở phương khác đi đến xâm nhiễu, nên tụng Đà La Ni này là:

"Nam mô (1) la đát-nẵng đát-la gia dã (2) Án (3) a mật lật đa (4) phộc nhật-lý, a mật lật đê (5) hồng (6) nghiệt xa, nghiệt xa (7) duệ tha tô khư (8) tam muội dã (9) ma nô tam mạt la (10) sa-phộc hạ (11)"

NAMO RATNA-TRĀYAYA

OṂ_ AMṚTA-VARJĪ AMṚTE HŪṂ, GACCHA GACCHA, YEṢṬHA SUKHA, SAMAYAM ANUSMARA SVĀHĀ

Đốt **An Tất Hương**, đem hoa để trong lòng bàn tay, tác **Kim Cương Hợp Chưởng**, tụng Chân Ngôn này rồi rải hoa bốn hướng thì oán tặc lui tan

_Nếu bên trong quốc thổ có tất cả tại nạn, các Quỷ Thần ác lưu hành dịch độc gây hại cho con người, súc vật với oán địch ở phương khác đến xâm nhiễu thì nên làm **Cực Đại Uy Đức Phẫn Nộ Vương Kim Cương Thủ**, **Cam Lộ Quân Trà Lợi Kim Cương**… cười ha hả. Cần yếu là Pháp **Thắng Bí Mật Tâm**, cũng lấy các **gai độc** dùng lửa thiêu đốt, niệm tụng mà làm Hộ Ma, ắt tai nạn như bên trên thảy đều tiêu diệt.

Nếu muốn hiệu nghiệm, trước tiên tụng Chân Ngôn đủ mười vạn biến, liền được Tất Địa.

_Nếu muốn biết trước việc thiện ác, tốt xấu, quyết định, chẳng quyết định… thì cần phải tụng Đà La Ni này là:

"Nam mô (1) la đát-nẵng đát-la gia dã (2) nam mô (3) thủy-chiến noa phộc chiết-la bả nẵng duệ (4) ma hạ (5) dược khất-xoa tê na bát đái duệ (6) ế man (7) vật đình-dã (8) bát la khất-xoa mính (9) sa mính (10) vật đình-dã (11) tam một lý đình-dã đổ (12) Án (13) a mật-lật đê phát (14) đát nễ-dã tha (15) chiến nê, chiến nê (16) ấn nê mẫn nê (17) tăng yết lại ma (18) mẫn nê (19) a vĩ xa, kiểu nỉ (20) bát-la vĩ xa, kiểu nỉ (21) a tất mẫn (22) a ngu sắt-tra (23) mạn trà lý (24) bát phiến nỗ (25) na la ca (26) na lý ca (27) nễ vĩ na (28) chước sô sái (29) a bế đổ (30) ma nỗ sơn (31) chước sô nhập miên chước sô (32) bả-la phộc đa dã (33) đổ hệ na hột-lý đan (34) duệ tả hột-lý đan (35) duệ đát-la (36) tất tha bỉ đan (37) đát (38) tát vãn (39) nại lý-sái dã (30) sa-phộc hạ (41)"

_Tiếp theo nói Quỹ Nghi **Trì Niệm**. Trước tiên, Kim Cương A Xà Lê dùng **Cồ Ma Di** (Gomayi:phân bò) xoa tô thành các Đàn vuông vức. Dùng sữa, lạc, bột làm **Nễ-Dã A Lạc-Đa** chứa đầy trong **cái bát nhỏ** (oản) rồi để ở bốn góc của Đàn, bốn góc để đèn, sau đó rải thoa, đốt An Tất Hương. Hoặc ở trong cây kiếm, hoặc cái gương, hoặc bức tường, hoặc ngón tay, hoặc lòng bàn tay, hoặc cây đèn, hoặc tượng Phật, hoặc thủy

tinh, hoặc Đàn, hoặc trong Lưu Ly xứng với sự mong muốn của Tâm để nhìn thấy việc Thiện Ác. Nên dùng Đồng Nam, hoặc có Đồng Nữ thân không có vết sẹo, trong sạch không có lỗi lầm, tắm gội thân thể, mặc áo trắng, tụng Chân Ngôn này dùng gia trì thì Ta (Kim Cương Thủ) sẽ đến chỗ ấy, tự hiện thân, tùy theo chỗ hỏi việc của ba đời thì thảy đều nói rõ, tùy theo Tâm nghi hoặc thảy đều đoạn trừ.

Nếu người bị Quỷ Mỵ dựa vào gây điên loạn thì nên dùng cành Dương với cành Thạch Lựu, dùng Chân Ngôn bên trên gia trì bảy biến, đốt An Tất Hương, vẽ hình tượng của Quỷ Thần ấy ở mặt đất. Khiến Đồng Tử lúc trước cầm nhóm cành Dương đánh quất vào lưng, bụng của hình tượng Quỷ Thần đã tô vẽ ấy, thời người bệnh kia như bị quất vào thân, kêu gào khóc lóc, cúi đầu cầu cứu, từ nay trở đi vĩnh viễn chẳng dám đi đến nữa. Thời A Xà Lê khiến Quỷ lập lời thề: "***Nếu đi đến lần nữa, nguyện cho tôi với quyến thuộc bị diệt chết không còn sót***". Quỷ lập lời thề sau này chẳng đi đến nữa thì người bệnh được bình phục. Chẳng phải là chỉ trừ khử bệnh mà mọi loại việc thù thắng do sức Tổng Trì này đều được xứng Tâm, thành tựu điều đã làm"

_Bấy giờ, Đức Thế Tôn bảo Bí Mật Chủ Kim Cương Thủ Bồ Tát rằng: "Lành thay! Lành thay Thiện Nam Tử! Đà La Ni này hay cho tất cả chúng sinh thời vị lai làm lợi ích lớn, tất cả Như Lai thảy đều tùy vui. Đà La Ni này hay khiến cho chúng sinh phát Tâm Bồ Đề, lại khiến cho tất cả Ngoại Đạo Dị Kiến thảy đều điều phục, cho các Phật Pháp dùng làm con đường trước tiên. Tùy các quốc thổ có **Tổng Trì** này thì đất nước không có đói khát, người dân an vui, **Quốc Chủ** (vua) không có bệnh , không có oán địch, Phật Pháp lưu thông không có các chướng ngại.

Bí Mật Chủ! Bồ Tát dùng Đà La Ni này làm **chủ**, che giúp thân của mình, hay cầm giữ mọi loại báu Đà La Ni, ở trong đêm tối mà làm cây đước sáng, lại dùng mọi loại Đà La Ni Môn để làm Anh Lạc trang nghiêm thân ấy. Dùng Đà La Ni này để làm con đường trước tiên. Dùng Đà La Ni này để làm khí trượng, quá khứ hiện tại vị lai luôn nên nắm giữ. Dùng Đà La Ni này để làm nhà cửa, an trụ trong ấy mà hành bố thí, thủ hộ Tịnh Giới, tu tập An Nhẫn, siêng hành tinh tiến Thiền Định thâm sâu, Bát Nhã chiếu sáng.

_Này Bí Mật Chủ! Thế nào là Bồ Tát an trụ ở trong Đà La Ni này để thực hành **Bố Thí**?

Bí Mật Chủ! Do Bồ Tát này chẳng buông bỏ **bình đẳng** mà thực hành bố thí. Ấy là: Do **Đà La Ni bình đẳng** cho nên **bố thí bình đẳng**. Do Bố Thí bình đẳng cho nên **Ta** (ngã) **bình đẳng**. Do Ta bình đẳng cho nên **chúng sinh bình đẳng**. Do chúng sinh bình đẳng cho nên **Pháp bình đẳng**. Do Pháp bình đẳng cho nên **Bồ Đề bình đẳng**. Do Bồ Đề bình đẳng tức **Đà La Ni bình đẳng**. Bồ Tát này trụ Đà La Ni hay thực hành bố thí. Bố thí như vậy chẳng phải là tùy theo phiền não để thực hành bố thí, mà cùng với **Thắng Nghĩa Pháp** tương ứng bố thí, ắt hay buông lìa tất cả phiền não, gọi là **Tối Thắng Xả**, các **Kiến** (Darśana:kiến giải, tư tưởng, chủ nghĩa, chủ trương…) chẳng khởi, quyến thuộc **nội ngoại** tất cả đều buông bỏ.

Bí Mật Chủ! Đây là an trụ Đà La Ni trụ xứ tu hành bố thí.

_Này Bí Mật Chủ! Thế nào là Bồ Tát trụ Đà La Ni tu hành **Tịnh Giới**? Vị Bồ Tát này thấy Bản Tính của **thân miệng ý** vắng lặng mà hộ trì Giới. Đối với **thân miệng ý**, Tâm không có chỗ dính mắc, chẳng dựa vào đời này, chẳng dựa vào đời khác, chẳng dựa ở bên trong, chẳng dựa ở bên ngoài, chẳng dựa vào **Uẩn Giới Xứ**, chẳng dựa vào Bồ Đề, cũng chẳng dựa vào Đà La Ni Môn, chẳng dựa vào Niết Bàn với

tất cả Pháp. Hộ trì Tịnh Giới cũng chẳng nghĩ nói: "**Ta hay trì Giới**". Đây là Bồ Tát an trụ Tổng Trì hộ trì Tịnh Giới.

_Này Bí Mật Chủ! Thế nào là Bồ Tát trụ Đà La Ni tu tập **An Nhẫn**? Khi Bồ Tát này tu **Nhẫn Nhục** thời chẳng thấy thân mình, chẳng thấy chúng sinh, chẳng thấy **Bổ Đặc Già La** (Pudgala), chẳng thấy tuổi thọ, chẳng thấy ở **cái Ta** (Ātman:Ngã) cùng với **cái của Ta** (Mama-kāra:Ngã Sở). Nội Tâm của Bồ Tát này thanh tịnh, chúng sinh thanh tịnh, tất cả Pháp thanh tịnh. Dùng **không có chỗ nương dựa** (vô sở y), y theo Tâm thanh tịnh mà hành **An Nhẫn**.

Khi Bồ Tát này tu **An Nhẫn** thời không có chút Pháp nào mà có thể tu tập, cũng không có chút Pháp nào mà có thể tổn giảm, cũng không có chút Pháp nào mà có thể tăng trưởng, cũng chẳng phải ở chút Pháp nào **sinh**, cũng chẳng phải ở chút Pháp nào **diệt**, cũng chẳng phải ở chút Pháp nào **tận**, cũng chẳng phải ở chút **vắng lặng** nào, cũng chẳng phải ở Tính **Vô Ngã** của chúng sinh, cũng chẳng phải ở Tính **vắng lặng** của chúng sinh, cũng chẳng phải ở **không có sợ hãi**, cũng chẳng phải ở thân **diệt tận**, cũng chẳng phải ở ngôn ngữ **tận**, cũng chẳng phải ở Tâm Ý **tận**, và cũng chẳng phải ở Pháp của nhóm như vậy tu tập **An Nhẫn**.

Khi Bồ Tát này ở **thân** tu **an nhẫn**, bị người khác gây hại, chẻ bửa mỗi mỗi lóng đốt, chân tay thì nên tự quán sát **thân** với cỏ cây, tường vách, gạch ngói… không có khác

Khi Bồ Tát này ở **ngữ** tu **an nhẫn**, bị người khác hủy nhục thì dùng ngôn từ khéo léo mà đáp trả lại, tự tại quán sát Tính của ngôn ngữ vốn **trống rỗng** (Śūnya: không) chẳng thể nắm giữ, **Thể Tính** vắng lặng không có chỗ trụ. Lại **Thể** của Pháp này đều chẳng đợi nhau, mỗi mỗi sát na chẳng nối tiếp nhau, cho nên như vậy quán sát tu hành **an nhẫn.**

Khi Bồ Tát này ở **ngữ** tu **an nhẫn** thời không có trược loạn, cũng không có cao thấp, thấy Thân và Tâm đều chẳng biết nhau, thấy rõ Thân Tâm không có chỗ trụ.

Đây là Bồ Tát an trụ Tổng Trì tu tập **an nhẫn**

_Này Bí Mật Chủ! Thế nào là Bồ Tát trụ Đà La Ni siêng hành **tinh tiến**? Bồ Tát này vì muốn tăng trưởng các Pháp **thiện** cho nên siêng hành tinh tiến mà quán Pháp Giới, chẳng thấy tăng trưởng, chẳng thấy tổn giảm, không có chút chân thật nào có thể được thành tựu, không có chút điên đảo nào có thể được hoại diệt, không có Thế Giới thành, không có Thế Giới hoại, y theo Đà La Ni Môn thanh tịnh này, quán sát các Pháp cũng lại như vậy, chẳng thấy Pháp thiện mà có thể tăng trưởng, chẳng thấy Pháp ác mà có thể giảm diệt. Tính của các Pháp ấy không có lớn, không có nhỏ, không có chỗ trụ, đến không có chỗ theo, đi không có chỗ đến, hư vậy thấy biết tất cả các Pháp. Y theo Pháp như vậy trang nghiêm thân của mình, vì khiến cho chúng sinh chân thật hiểu rõ Pháp điên đảo mà vì họ nói Pháp.

Như vậy khi nói thời quán sát chúng sinh thật chẳng thể đắc. Do biết chúng sinh chẳng thể đắc, tức tất cả Pháp cũng chẳng thể đắc. Tại sao thế? Vì lìa chúng sinh thì không có chút Pháp nào mà có thể đắc, lìa Pháp cũng không có chúng sinh có thể đắc.

Lại Tính của Pháp này tức là **Tính của Ta** (ngã tính), Tính của Ta tức là Tính của tất cả Pháp, Tính của tất cả Pháp tức là **Tính của Phật** (Buddhatā:Phật Tính). Vì **Thể** của Bản Tính đây kia bình đẳng cho nên quán sát tìm cầu. Như vậy Phật Pháp không có chút nào có thể đắc.Do Pháp chẳng thể đắc cho nên Phật chẳng thể đắc,lại

hay quán Tâm còn chẳng thể đắc huống chi là Pháp đã mong cầu mà sẽ có thể đắc. **Bên trong** (nội), **bên ngoài** (ngoại), hai tướng **Năng, Sở** đều quên…. như vậy nói Pháp

Đây là Bồ Tát an trụ Tổng Trì siêng hành **tinh tiến**.

_Này Bí Mật Chủ! Thế nào là Bồ Tát trụ Đà La Ni tu tập **Tĩnh Lự** (Dhyāna:thiền định)? Bồ Tát này nếu nhập vào các Định thì nên nhập vào Thể Tính bình đẳng của các **Thiền**, chẳng phải có thành tựu, chẳng phải không có thành tựu, quán sát các Định không có tăng không có giảm, chẳng dựa theo các cảnh mà có quán sát, tỏ ngộ các Thiền Định với Thể Tính bình đẳng của tất cả Pháp, chẳng loạn, chẳng diệt, chẳng chướng ngại lẫn nhau. Đối với Công Đức **rừng, cành** của các Tĩnh Lự chẳng dựa vào **Thân** cầu, chẳng dựa vào **Tâm** cầu. Như vậy khi nhập vào thời dựa vào **Thật Tướng**, **Chân Tế** (Bản thể của vũ trụ), **Pháp Tính** mà nhập vào Định. Quán Thể Tính của chúng sinh bình đẳng, các Pháp không có sinh, như vậy tương ứng tu tập nơi Định. Nhập Định như vậy thì Tâm chẳng trụ bên trong, cũng chẳng trụ bên ngoài, cũng chẳng trụ Tâm.

Bồ Tát này chẳng trụ ở **Thức** (Vijñāna: nhận thức) vượt qua tất cả **Hữu** (các cõi), thấy chúng sinh trì Giới vào Thiền. Cũng đều vượt qua tất cả Ngoại Đạo, Ngũ Thông Thần Tiên, Thanh Văn, Duyên Giác, tất cả **Tam Muội** (Samādhi), **Tam Ma Bát Đề** (Samāpatti). Hết thảy Thiền Định của Bồ Tát này từ Đà La Ni mà được sinh ra, xa lìa các **Kiến** với các phiền não, rồi đều hồi hướng **Vô Thượng Bồ Đề**, thành tựu chúng sinh, thường thuần một Tam Muội chân thật, cho đến Niết Bàn không có **biến đổi sai khác** (biến dị)

Đây là Bồ Tát trụ Đà La Ni tu tập **Tĩnh Lự**

_Này Bí Mật Chủ! Thế nào là Bồ Tát trụ Đà La Ni tu tập nơi Pháp **Tỳ Bát Xá Na** (Vipaśyana: Thiền Quán)? Ấy là Bồ Tát dùng con mắt Trí Tuệ thấy rõ các Pháp, chẳng phải là cái thấy của con mắt thịt, chẳng phải là cái thấy của **con mắt Trời** (thiên nhãn). Khi Bồ Tát này thấy như vậy thời thấy Pháp vắng lặng, thấy gần sát vắng lặng, thấy không có chỗ hành, thấy không có hợp hội, vắng lặng vứt bỏ, không có thành tựu.

Bồ Tát này dùng cái thấy như vậy, thấy tất cả Pháp. Nếu thấy có chút Pháp nào thì chẳng gọi là **thấy**, chẳng thấy chút Pháp nào thì gọi là **thấy**. Tại sao thế? Nếu thấy Pháp Thể Trí Tuệ chẳng sinh, nếu không có Trí Tuệ cũng không có **vô Trí** (không có Trí), cũng không có thấy. Như vậy thấy Pháp chẳng phải có **Ngã Kiến** (Ātama-dṛṣṭi: *cái thấy hư vọng, chấp dính thật có cái ta)*, chẳng phải là **Chúng Sinh Kiến** (*cái thấy hư vọng, chấp dính thật có chúng sinh*), chẳng phải là **Thọ Giả Kiến** (*cái thấy hư vọng, chấp dính thật có thọ mệnh*), chẳng phải là **Dưỡng Dục Kiến**, chẳng phải là **Sĩ Phu Kiến** ,chẳng phải là **Bổ Đặc Già La Kiến** (Pudgala-dṛṣṭi)… thấy như vậy thì gọi là thấy Pháp, thấy Pháp như vậy tức thấy chúng sinh hư vọng điên đảo. Thế nên Bồ Tát đối với các chúng sinh khởi Tâm Đại Bi rất bền chắc, tác niệm này, nói là: "Lạ thay chúng sinh! Diệu Pháp như vậy! Thanh Tịnh như vậy! Vì sao mà bị phiền não ràng buộc luôn chịu dau khổ lớn?!... Vì muốn khiến cho họ giải thoát khổ đau hư vọng mà khởi Đại Bi"

Đây là Bồ Tát trụ Đà La Ni tu tập nơi Pháp **Tỳ Bát Xá Na** (Vipaśyana: Thiền Quán)"

_Đức Phật nói: "Này Bí Mật Chủ! Ta ở trong vô lượng Kiếp tu tập **Ba La Mật Đa** (Pāramitā) như vậy, đến thân cuối cùng, sáu năm khổ hạnh, chẳng được A nậu Đa La Tam Miểu Tam Bồ Đề (Vô Thượng CHính Đẳng Chính Giác) thành **Tỳ Lô Giá Na**

(Vairocana: Đại Nhật). Khi ngồi ở Đạo Trường thời vô lượng vị **Hóa Phật** (Nirmāṇa-buddha) giống như hạt mè tràn đầy khắp hư không. Chư Phật đồng thanh mà bảo Ta rằng: "Thiện Nam Tử! Vì sao mà cầu thành **Đẳng Chính Giác** (Samyaksaṃbuddha)?"

Ta bạch Phật rằng: "Con là Phàm Phu chưa biết chỗ mong cầu. Nguyện xin Từ Bi vì con giải nói"

Lúc đó chư Phật đồng bảo Ta rằng: "Thiện Nam Tử! hãy nghe cho kỹ! Hãy nghe cho kỹ! Ta sẽ vì ông nói. Nay ông thích ứng, nên ở đầu mũi tưởng vành trăng trong sạch, ở trong vành trăng làm **Án Tự Quán**. Làm Quán này xong, vào lúc sau đêm được thành A Nậu Đa La Tam Miểu Tam Bồ Đề.

Này Thiện Nam Tử! Mười phương Thế Giới như hằng hà sa chư Phật ba đời chẳng ở vành trăng làm **Án Tự Quán** mà được thành Phật thì không có điều này. Tại sdao thế? Vì **chữ Án** (𑖌𑖼:OṂ) tức là tất cả Pháp Môn, cũng là **cây đuốc báu, chìa khóa** của tám vạn bốn ngàn Pháp Môn.

Chữ Án (𑖌𑖼:OṂ) tức là Chân Thân của Tỳ Lô Giá Na Phật.

Chữ Án (𑖌𑖼:OṂ) tức là mẹ của tất cả Đà La Ni. Từ đây hay sinh tất cả Như Lai, từ Như Lai sinh tất cả Bồ Tát, từ Bồ Tát sinh tất cả chúng sinh, cho đến chút phần nơi có căn lành

Thiện Nam Tử! Đà La Ni này có đủ công dụng, uy đức chẳng thể nghĩ bàn của nhóm như vậy, cùng Kiếp diễn nói kiếp số có thể hết, nhưng công dụng, uy đức của Đà La Ni này chẳng thể cùng tận"

Bấy giờ, Đức Thế Tôn muốn hiển bày Công Đức thù thắng của Đà La Ni này một lần nữa, nên nói **Kệ** rằng:

"_Nếu lìa bụi phiền não
Hay chặt mọi **dơ bẩn** (cấu)
Lìa **dơ** (cấu), Tâm thanh tịnh
Đây **Bảo Cự** (cây đuốc báu) **Tổng Trì**
_Nếu thân miệng ý **sạch** (tịnh)
Bình đẳng khởi **Tâm Từ** (maitra-citta)
Ánh sáng như trăng trong
Đây **Bảo Cự Tổng Trì**
_Giải thoát các **hai Kiến** (đoạn kiến và thường kiến)
Xa lìa **niệm** với **nghi**
Được **Trí Tuệ Tưởng Tâm**
Đây **Bảo Cự Tổng Trì**
_Vào ở **Niệm Trí Môn**
Đủ công đức Đại Trí
Như **Không Tế** (tên gọi khác của Niết Bàn) không dơ
Đây **Bảo Cự Tổng Trì**
_Chẳng đứt **mầm Tam Bảo** (tam bảo chủng)
Xa lìa ba loại dơ
Thoát **Hoặc** (tên gọi khác của phiền não)**, Khổ** ba cõi
Đây **Bảo Cự Tổng Trì**
_Diệt hết **tham sân si**
Các phiền não che lấp
Chẳng bị Kiếp **trược loạn**
Đây **Bảo Cự Tổng Trì**
_Thế Giới **thượng trung hạ**
Hết thảy các âm thanh

Khéo vào tướng **không bụi** (vô trần)
Đây **Bảo Cự Tổng Trì**
_Đầy đủ Pháp thâm sâu
Các câu chữ vô biên
Thoát **Ngã Sở** (cái của ta)**, hai Kiến** (thường kiến và đoạn kiến)
Đây **Bảo Cự Tổng Trì**
_Khéo dựng lập **bốn Hạnh**
Đầy đủ ở **bốn Thiền**
Tùy thuận được giải thoát
Đây **Bảo Cự Tổng Trì**
_Được mắt Pháp **thắng nghĩa**
Bốn Nhiếp, Phạm Trụ tròn
Năm Thông làm lối trước (tiên đạo: con đường trước tiên)
Đây **Bảo Cự Tổng Trì**
_Dựng lập **Diệu Niệm Xứ**
Thường tùy thuận **Chính Đoạn**
Luôn tu **bốn Thần Túc**
Đây **Bảo Cự Tổng Trì**
_Đủ năm Căn **nhóm Tín** (tín căn, tinh tiến căn, niệm căn, định căn, tuệ căn)
An trụ ở **năm Lực** (tín lực, tinh tiến lực, niệm lực, định lực, tuệ lực)
Mau trụ **bảy Giác Phần**
Đây **Bảo Cự Tổng Trì**
_**Tám Chính Đạo** dẫn nhiếp
Trụ ở ngọn **Chỉ** (Śamatha)**, Quán** (Vipaśyana)
Đều giải thoát dẫn đường
Đây **Bảo Cự Tổng Trì**
_Mãn **Tự Tại Hành Địa**
Thường tùy đường giải thoát (giải thoát đạo)
Dứt hẳn tất cả lỗi
Đây **Bảo Cự Tổng Trì**
_Ánh sáng chiếp khắp đời
Như **Nhật Nguyệt** trong sáng
Hay khiến mắt thanh tịnh
Đây **Bảo Cự Tổng Trì**
_**Thiên Nhãn** khéo thanh tịnh
Tuệ Nhãn không che chướng
Pháp Nhãn cũng thanh tịnh
Đây **Bảo Cự Tổng Trì**
_Hay tịnh **Phiền Não Ma**
Với tịnh đường **Uẩn Ma**
Tử Ma đã giáng phục
Các quân Ma lui diệt
_Tổng Trì tự tại trụ
Trong na do tha cõi
Thấy na do tha Phật
Lắng nghe Pháp vô thượng
_Nghe Pháp rộng lớn này
Sức **Chân Minh** niệm trì

Văn nghĩa thảy đều tròn
Rộng vì chúng sinh nói
_Người trụ Tổng Trì này
Nơi Pháp, biết tinh tế
Phân biệt các nhân duyên
Tâm Trí, sát na diệt
_Người mãn Tổng Trì này
Không dính, không chỗ dựa
Ba **Trí Nhẫn** đã sáng
An trụ **ba giải thoát**
_Được **Tối Thắng Trì** này
Rộng nói **Chân Ngôn yếu** (sự thiết yếu của Chân Ngôn)
Được nhiều Pháp Tổng Trì
Vô lượng, khó thể xưng
_Các **Định** với **giải thoát**
Vô lượng không có bờ
Dạo chơi các Thông Minh
Vô biên Môn đều đủ
_Như biển lớn vô lượng
Nay nhận các giòng sông
Như vậy **Tối Thắng Minh**
Nơi quy vô biên Pháp
_Muốn ngộ Trí không tận
Khéo vào tiếng không tận
Diệt hẳn duyên **kết buộc**
Nói Pháp **Chân Minh** này.
_Nếu muốn các sắc tướng
Chủng Tộc đều tôn sùng
Đời đời thân thù thắng
Đắc được báu Như Ý
Hay vào **Giáo** (Śāstra) thâm sâu
Nhẫn chẳng xuất, chẳng sinh
Trí Địa chẳng dao động
Nói Pháp Tổng Trì này
_Vô số các Bồ Tát
Cầu **Vô Thượng Bồ Đề** (Agra-bodhi)
Được Đà La Ni này
Bồ Đề chẳng khó được
_Tất cả Phật mười phương
Nói Pháp lợi chúng sinh
Được Tối Thắng Minh này
Biện Tài thường chẳng dứt
_Được Pháp **Chân Minh** này
Nói Pháp đều **chẳng rỗng** (bất không)
Biết thân căn tốt đẹp
Vô lượng chúng sinh vui
_Trụ Pháp **Chân Minh** này
Chuyển bánh xe tối thắng
Chúng sinh thoát nguồn khổ

An trụ **Tối Thắng Thừa**
_Na do tha ức Kiếp
Khen ngợi công năng này
Đông Đức này vô biên
Phật nói chẳng thể hết"

Bấy giờ, Bí Mật Chủ Kim Cương Thủ Bồ Tát Ma Ha Tát nghe nói điều này xong, thời vui mừng hớn hở, liền đứng dậy chắp tay, nhiễu quanh đức Thế Tôn theo bên phải trăm ngàn vòng rồi quay về chỗ ngồi của minh, cung kính chiêm ngưỡng.

Khi Đức Phật nói Phẩm Công Đức của Đà La Ni này thời ba mươi hai na do tha Bồ Tát được Đà La Ni này, vô lượng vô số chúng sinh phát Tâm **A Nậu Đa La Tam Miểu Tam Bồ Đề** (Vô Thượng Chính Đẳng Chính Giác)

KINH THỦ HỘ QUỐC GIỚI CHỦ ĐÀ LA NI
QUYỂN THỨ CHÍN (Hết)